

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 08 - 01- 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Châu, ông Nguyễn Đức Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường xét xử A của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Hải S, sinh năm 1973

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm: 1975

Cùng địa chỉ: Số C2/.., ấp Bắc S, xã Quang Tr, huyện Thống Nh, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Hồng C, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Số 3/, ấp Đông B, xã Gia K, huyện Thống Nh, tỉnh Đồng Nai.

(Anh S, anh C có mặt; chị Y vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Trần Hải S trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị Nguyễn Thị Kim Y quen nhau, tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Quang Trung, huyện Thống Nhất vào ngày 21/10/1995 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là hôn nhân lần đầu của anh và chị Y.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chị Y không quan tâm, yêu thương chồng con mà thường bỏ nhà đi chơi. Anh đã nhiều lần góp ý nhưng chị Y vẫn không chịu thay đổi. Từ năm 2014, anh và chị Y đã không còn chung sống với nhau, chị Y đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp Đông K, xã Gia K sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Tuy nhiên khoảng hơn một năm nay, anh S có nghe thông tin chị Y đi nước ngoài định cư nhưng anh S không biết rõ chị Y đi từ thời gian nào và địa chỉ cụ thể của chị Y ở nước ngoài.

Anh Sơn nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai người đó sống, không ai thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim Y.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung là Trần Nguyễn Thái Sang, sinh ngày 02/8/1996 và Trần Nguyễn Ngọc Sang, sinh ngày: 30/3/2004. Khi ly hôn, anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc Sang và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Cháu Thái Sang đã thành niên và có khả năng lao động. Mặt khác đã theo chị Y đi nước ngoài nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, anh S đang làm rẫy, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng, thực tế sao anh khai vậy chứ anh không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập cung cấp cho Tòa án.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh S khai vợ chồng không nợ ai.

**** Bị đơn - chị Nguyễn Thị Kim Y vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hải S.***

**** Người làm chứng - anh Nguyễn Hồng C trình bày:***

Anh là cháu ruột của chị Nguyễn Thị Kim Y, anh xác định chị Y hiện đang định cư tại Úc, chị Y mang theo người con trai lớn là cháu Trần Nguyễn Thái Sang qua bên Úc du học. Thỉnh thoảng, chị Y có điện thoại về hỏi thăm sức khỏe cha ruột là ông Nguyễn Ngọc Kim hiện đang ở cùng nhà với anh C, sự việc có sao anh khai vậy chứ anh không có tài liệu, chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án.

Ngoài ra, anh C đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án để giao cho chị Y nhưng anh không giao trực tiếp cho chị Y các văn bản tố tụng trên. Có lần chị Y điện về gặp anh, anh đã báo cho chị Y biết là anh S đang xin ly hôn với chị Y tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nh, chị Y biết sự việc nhưng không có ý kiến gì, chị Y không cho anh C và gia đình biết địa chỉ cụ thể của chị ở nước

ngoài nên anh C không cung cấp được địa chỉ của chị Y ở nước ngoài theo yêu cầu của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành, không đến Tòa án làm việc.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hải S. Cho anh S và chị Y được ly hôn, anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp:

Anh Trần Hải S và chị Nguyễn Thị Kim Y có hộ khẩu thường trú tại Số C2/066B, ấp Bắc Sơn, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Anh S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Y và anh xin được trực tiếp nuôi con khi ly hôn, nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Y hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài. Tuy nhiên, theo anh C là cháu ruột của chị Y cung cấp lời khai, chị Y thỉnh thoảng liên lạc về với anh Nguyễn Hồng C, anh C đã thông báo cho chị biết việc anh S đang xin ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất nhưng chị không cung cấp địa chỉ cụ thể ở nước ngoài cho anh C để anh C cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu anh C cung cấp địa chỉ của chị Y ở nước ngoài nhưng anh C không cung cấp được. Do không xác định được địa chỉ cụ thể của bị đơn tại nước ngoài, bị đơn vẫn liên lạc với người thân trong nước. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TAND TC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ ở nước ngoài nên theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Theo biên bản xác minh và sổ hộ khẩu do anh S cung cấp chị Nguyễn Thị Kim Y có hộ khẩu thường trú tại số C2/066B, ấp Bắc S, xã Quang Tr, huyện Thống Nh, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, chị Y đã bỏ địa phương đi từ năm 2014, chị Yên đi đâu không thông báo cho chính quyền địa phương. Tại Công văn số: 2845/QLXNC-P5 ngày 01/10/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 07/8/1975, đã xuất nhập cảnh một lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 13/8/2014, chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Như vậy, có căn cứ xác định chị Y hiện đang sinh sống ở nước ngoài nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, không có căn cứ cho rằng chị Y ở Việt Nam nên anh S không phải thông báo tìm kiếm chị Nguyễn Thị Kim Y vắng mặt nơi cư trú trước khi xét xử vụ án này.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn - chị Nguyễn Thị Kim Y:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Y hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài. Tuy nhiên, chị Y thỉnh thoảng vẫn liên lạc về với anh Nguyễn Hồng C là cháu ruột, anh C đã thông báo cho chị biết việc anh S đang xin ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất nhưng chị không cung cấp địa chỉ cụ thể ở nước ngoài cho Tòa án. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu anh C cung cấp địa chỉ của chị Y ở nước ngoài nhưng anh C không cung cấp được, được coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Y.

[2] Về nội dung:

Anh S và chị Y xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/1995 tại Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

[2.1] Về yêu cầu ly hôn của anh Sơn:

Sau khi kết hôn, giữa hai vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S và chị Y tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Từ khi ly thân, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm của anh S đối với chị Y đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S yêu cầu xin ly hôn với chị Y.

Từ đó Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh S và chị Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S. Xử cho anh S và chị Y ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh S và chị Y chung sống có hai con chung là Trần Nguyễn Thái Sang, sinh ngày 02/8/1996 và Trần Nguyễn Ngọc Sang, sinh ngày: 30/3/2004. Anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Nguyễn Ngọc Sang, sinh ngày: 30/3/2004 và tạm thời không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Xét từ lúc chị Y và anh S sống ly thân đến nay, cháu Ngọc Sang do anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2019, cháu Ngọc Sang trình bày nguyện vọng muốn sống cùng anh S. Xét thấy cần giao cháu Ngọc Sang cho anh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù

hợp. Cháu Trần Nguyễn Thái Sang, sinh ngày 02/8/1996 đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh S không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 5; Điều 6; Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, các Điều 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hải S.

1. *Về hôn nhân:* Anh Trần Hải S và chị Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn.

2. *Về con chung:* Giao cho anh Trần Hải S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Ngọc Sang, sinh ngày: 30/3/2004. Tạm thời chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh S chưa yêu cầu. Cháu Trần Nguyễn Thái Sang, sinh ngày 02/8/1996 đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

Chị Y được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Trần Hải S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh S đã nộp tại biên lai số 008673 ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Anh S đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Anh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- UBND xã Quang Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Đặng Quang Phúc